

Số: **269/2022/QĐST-HNGĐ**

Quận H, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 246/2022/TLST-VHNGĐ ngày 20/4/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Nguyễn Thị T**; sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Dự án T, số 105 đường C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

- **Anh Nguyễn Trọng H**; sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Khối 8 phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi ở: Dự án T, số 105 đường C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/8/2020 tại UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn, anh chị đã từng kết hôn nhưng đều đã ly hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại địa chỉ: Dự án T, số 105 đường C, phường Y, quận H thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 01/12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm, lối sống, nên anh chị thường nảy sinh những bất đồng. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn và được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Nay chị T và anh H cùng xác định mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Ngày 21/4/2022, Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng chị T và anh H không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thoả thuận với nhau về các nội dung: tài sản, vay nợ, nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự như được ghi nhận tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 21/4/2022.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị T và anh H được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 21/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H cùng xác nhận mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H cùng xác nhận có một con chung là cháu Nguyễn Trọng Minh K, sinh ngày 02/3/2021. Hiện nay sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt. Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trọng Minh K kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H thỏa thuận mỗi tháng anh Nguyễn Trọng H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng Minh K với số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Trọng H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H cùng xác nhận không có, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4 Về tài sản riêng (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H cùng xác nhận không có, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.5 Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H cùng xác nhận không vay nợ ai chung và cũng không cho ai vay nợ chung, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.6 Về lệ phí giải quyết yêu cầu hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trọng H thỏa thuận anh H là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009925 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận H;
- UBND phường
(số 124/2020 ngày 11/8/2020);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thủy